

Số:17/2023/QĐST-DS

MT, ngày 17 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1976.

2/ Ông **Võ Văn C**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp PH, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Chậm, bà Phụng: ông Lê Tấn P1, sinh năm 1976. (Theo văn bản uỷ quyền 28/4/2023).

Địa chỉ: đ 3/2, k 4, TTCN, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: **Chị Lê Thị Diễm T**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: ấp C, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 09846, quyền số: 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2022 tại Văn phòng công chứng Tạ Thị Thật giữa bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Võ Văn C với bà Lê Thị Diễm T đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 3, diện tích 901,4m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long và vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 14693, quyền số: 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2022 tại Văn phòng công chứng Tạ Thị Thật giữa bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Võ Văn C với bà Lê Thị Diễm T đối với và thửa đất số 316, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.470,6m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa

nước, tọa lạc tại xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2.2. Ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng P liên đới có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Diễm T số tiền vốn còn nợ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 59.760.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm sáu chục ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Bà Lê Thị Diễm T có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng P 02 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 316, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.470,6m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng P đứng tên giấy chứng nhận QSD đất số phát hành CY 485090 số phát hành CS09587 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27/10/2020 và giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 297, tờ bản đồ số 3, diện tích 901,4m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng P đứng tên giấy chứng nhận QSD đất số phát hành CB 561920 số phát hành CS 05755 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30/10/2015.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Hồng P tự nguyện chịu là 15.495.200 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT theo các biên lai thu số 0001001, 0001002, ngày 18/5/2023, ông C, bà P còn phải nộp thêm 2.395.200 đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Phòng KTNV&THA – TAT;*
- *VKSND huyện MT;*
- *Chi cục THA.DS huyện MT*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Huỳnh Thị Linh

